

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 459/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về bồi thường, di dân, tái định cư Dự án thủy điện
Sơn La

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2001/QH10 của Quốc hội Khoá 10 kỳ họp thứ 9 ngày 29 tháng 6 năm 2001 về chủ trương đầu tư dự án nhà máy thủy điện Sơn La và Nghị quyết số 13/2002/QH11 của Quốc hội khoá 11 kỳ họp thứ 2 ngày 16 tháng 12 năm 2002 về phương án xây dựng công trình thủy điện Sơn La;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 của Chính phủ về việc bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, di dân, tái định cư dự án thủy điện Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc công ty Điện lực Việt Nam và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Đã ký)

Phan Văn Khải

QUY ĐỊNH

Về bồi thường, di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 12/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng và thời điểm áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy định này áp dụng cho việc bồi thường thiệt hại, di dân, tái định cư từ lòng hồ và mặt bằng công trường phục vụ cho việc thực hiện dự án thủy điện Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng tại Quy định này là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất và thiệt hại tài sản, cụ thể như sau:

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất ở, đất sản xuất và thiệt hại về tài sản trên đất phải di chuyển đến nơi ở mới.
- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi một phần đất sản xuất và thiệt hại về tài sản trên đất nhưng không phải di chuyển chỗ ở.
- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư sở tại bị thu hồi đất sản xuất, đất ở và thiệt hại về tài sản trên đất khi thực hiện tái định cư.

3. Thời điểm áp dụng là thời điểm tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Các đối tượng phát sinh sau thời điểm trên đến khi có quyết định thu hồi đất nếu là hợp pháp được Ủy ban nhân dân xã xác nhận và Ủy ban hành chính huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thì được áp dụng Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vùng dự án thủy điện Sơn La là vùng ngập lòng hồ, tổng mặt bằng công trường thực hiện dự án thủy điện Sơn La.
2. Đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp là cá nhân, hộ gia đình, tổ chức bị thiệt hại về đất đai, nhà ở, hoa màu và tài sản khác, cơ sở hạ tầng, công trình công cộng khi thực hiện dự án thủy điện Sơn La.
3. Đối tượng bị ảnh hưởng gián tiếp là cá nhân, hộ gia đình, tổ chức bị ảnh hưởng về cơ sở hạ tầng, công trình công cộng khi thực hiện dự án thủy điện Sơn La.
4. Hộ tái định cư là hộ gia đình hoặc hộ độc thân và tổ chức nằm trong vùng dân cư nằm trong vùng dự án thủy điện Sơn La bị ảnh hưởng trực tiếp phải di chuyển đến nơi ở mới.
5. Hộ sở tại là hộ dân trong địa bàn xã có tiếp nhận dân tái định cư.
6. Nơi đi là địa phương thuộc vùng dự án thủy điện Sơn La có hộ tái định cư phải di chuyển.
7. Nơi đến là địa phương tiếp nhận hộ tái định cư.
8. Hộ tái định cư tập trung là hộ tái định cư được quy hoạch đến ở một nơi mới tạo thành điểm dân cư mới.
9. Hộ tái định cư xen ghép là hộ tái định cư được quy hoạch đến ở xen ghép với hộ dân sở tại trong một điểm dân cư có trước.
10. Hộ tái định cư tự nguyện di chuyển là hộ di chuyển không theo quy hoạch tái định cư thu xếp nơi ở mới.
11. Điểm tái định cư là điểm dân cư được xây dựng theo quy hoạch bao gồm: đất ở, đất sản xuất, đất chuyên dùng, đất xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng để

bố trí dân tái định cư.

12. Khu tái định cư là địa bàn được quy hoạch để bố trí các điểm tái định cư, hệ thống cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, vùng sản xuất. Trong khu tái định cư có ít nhất một điểm tái định cư.

13. Vùng tái định cư là địa bàn các huyện, thị xã được quy hoạch để tiếp nhận dân tái định cư. Trong vùng tái định cư có ít nhất một khu tái định cư.

14. Tổng mặt bằng công trường là diện tích đất được sử dụng để xây dựng công trình chính, các hạng mục công trình phụ trợ, công trình công cộng, khu nhà ở công nhân, các mỏ vật liệu... phục vụ thi công dự án thủy điện Sơn La được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Phạm vi bồi thường thiệt hại và hỗ trợ di dân, tái định cư.

1. Bồi thường thiệt hại về đất cho toàn bộ diện tích thu hồi của vùng dự án thủy điện Sơn La, mặt bằng xây dựng khu tái định cư và các công trình, hạng mục công trình liên quan đến xây dựng khu tái định cư.

2. Bồi thường thiệt hại về tài sản hiện có gồm: nhà, vật kiến trúc và các tài sản khác gắn liền với đất; các công trình văn hoá: đình chùa, miếu, nhà thờ họ...

3. Bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi trên đất hoặc trên đất có mặt nước.

4. Xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, công trình phục vụ đời sống và sản xuất tại khu tái định cư, điểm tái định cư theo dự án.

5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình công cộng tại nơi có hộ tái định cư xen ghép.

6. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ tái định cư.

7. Hỗ trợ chi phí chuyển đổi nghề nghiệp, đào tạo lại nghề nghiệp cho lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp.

8. Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, di dân giải phóng mặt bằng, xây dựng khu tái định cư.

Điều 4. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại, di dân, tái định cư.

1. Đảm bảo người dân tái định cư ổn định được chỗ ở, cuộc sống, phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cuộc sống vật chất và

văn hóa tốt hơn nơi ở cũ, ổn định lâu dài, bền vững góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc.

2. Đảm bảo hài hoà lợi ích người dân tái định cư với người dân sở tại.

3. Bố trí đủ đất sản xuất cho hộ tái định cư, ưu tiên bố trí đủ đất sản xuất lương thực.

4. Việc bồi thường thiệt hại, hỗ trợ di dân tái định cư phải thực hiện dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng đối tượng và hiệu quả.

Điều 5. Nguồn vốn bồi thường, hỗ trợ, di dân, tái định cư.

1. Nguồn vốn bồi thường, di dân, tái định cư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn của Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

Mức vốn bố trí từ nguồn vốn trên được xác định chính thức sau khi phê duyệt Quy hoạch tổng thể di dân tái định cư nhưng không vượt mức vốn đã được phê duyệt tại Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Nguồn vốn nêu trên được sử dụng để bồi thường thiệt hại về đất đai, nhà ở, cây trồng, vật nuôi và các tài sản khác; hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ ổn định đời sống; đầu tư và hỗ trợ sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp; đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình công cộng tại điểm tái định cư.

2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, mục tiêu, dự án khác trên địa bàn với dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La như: đầu tư hệ thống đường giao thông, xây dựng đô thị mới, dự án trồng mới 5 triệu héc ta rừng, chương trình xóa đói, giảm nghèo và việc làm, kiên cố hoá trường học.

3. Nguồn vốn khác:

Vốn góp và công sức lao động của người dân tham gia vào đầu tư sản xuất, xây dựng hạ tầng, công trình công cộng.

Vốn góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho dự án bồi thường di dân, tái định cư dự án thủy điện Sơn La.

Chương II

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ ĐẤT

Điều 6. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại về đất.